**BÀI 2. PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ CÁC LOẠI HÌNH QUẦN CƯ**

**Thời gian thực hiện:**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Năng lực**

***\*Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; tự đặt ra mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện;

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ kết hợp với thông tin, hình ảnh để trình bày những vấn đề đơn giản trong đời sống, khoa học...

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau;

***\*Năng lực đặc thù***

+ Nhận thức khoa học địa lí:

- Trình bày được sự khác biện quần cư thành thị và quần cư nông thôn ở nước ta.

- Phân tích được đặc điểm phân bố dân cư ở nước ta khác nhau giữa các khu vực.

- Nêu được sự thay đổi trong sự phân bố bố dân cư nước ta hiện nay.

+ Tìm hiểu địa lí:

- Xác định được trên bản đồ dân cư Việt Nam về sự khác nhau trong sự phân bố dân cư giữa các khu vực; đặc trưng riêng giữa quầncư nông thôn với quần cư đô thị.

- Khai thác thông tin, tài liệu văn bản, Internet để tìm hiểu về sự khác nhau trong phân bố dân cư và các loại hình quần cư ở nước ta.

- Sử dụng bản đồ bản đồ dân cư Việt Nam, bản số liệu dân cư để phân tích được sự khác nhau trong phân bố dân cư nước ta; nhưunxg nét đặc trưng giữa các loại hình quần cư.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

- Tìm kiếm thông tin về nguyên nhân và ảnh hưởng của sự phân bố dân cư đối với sự phát triển kinh tế, xã hội nước ta.

**2. Phẩm chất**

- Yêu nước: yêu gia đình, quê hương, đất nước; tích cực, chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên;

- Nhân ái: tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng; cảm thông, sẵn sàng giúp đỡ mọi người;

- Chăm chỉ: có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hàng ngày.

- Trách nhiệm: sống hòa hợp, thân thiện với thiên nhiên; có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Bản đồ dân cư Việt Nam.

- Một số tranh ảnh về các sự phân bố dân cư; các loại hình quàn cư ở Việt Nam.

- SGK Lịch sử và Địa lí 9 vở ghi, dụng cụ học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1. Hoạt động mở đầu**

***\* Mục tiêu***

- Tạo tâm thế học tập mới cho học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới.

***\* Tổ chức thực hiện***

**Hoạt động cá nhân/tổ chức chơi trò chơi**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

**Trò chơi “AI HIỂU BIẾT?”**

- GV tổ chức trò chơi qua hệ thống câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS chú ý lắng nghe, giơ tay trả lời câu hỏi nhanh

- GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ thực hiện nhiệm vụ của HS.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- HS trao đổi và trả lời nhanh câu hỏi trò chơi.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.

**2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về sự phân bố dân cư ở nước ta**

***\* Mục tiêu***

- Trình bày và xác định được trên bản đồ dân cư Việt Nam, dân cư nước ta có sự phân bố khác nhau giữa các khu vực.

***\* Tổ chức thực hiện***

**Hoạt động thảo luận cá nhân/cặp, bàn**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

*\*Khai thác thông tin mục 1, quan sát H.2 SGK (Atlat Địa lí Việt Nam), hãy:*

- Theo số liệu năm 2021, diện tích Việt Nam là 331 344 km2 và dân số là 98,5 triệu người. Hãy tính trung bình mỗi km2 có bao nhiêu người sinh sống?

- Sự phân bố dân cư khác nhau giữa những khu vực nào ở nước ta?

*\*Dựa vào bảng mật độ dân số các vùng năm 2021, cho biết:*

- Vùng nào có mật độ dân số cao hơn; thấp hơn trung bình cả nước?

- Chênh lệch giữa vùng cao nhất và thấp nhất là bao nhiêu? Giải thích.

- Kết luận chung về sự phân bố dân cư giữa các vùng ở nước ta.

**Bảng mật độ dân số Việt Nam năm 2021**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các vùng** | **Mật độ dân số (người/km2)** |
| ***Cả nước*** | 297 |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 136 |
| Đồng bằng sông Hồng | 1091 |
| Bắc Trung Bộ | 218 |
| Duyên hải Nam Trung Bộ | 211 |
| Tây Nguyên | 111 |
| Đông Nam Bộ | 778 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 426 |

- Hãy cho biết, dân số phân bố tập trung ở thành thị hay nông thôn?

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS khai thác thông tin và dựa vào hiểu biết cá nhân trả lời câu hỏi;

- GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ làm việc, giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- HS trình bày trước lớp kết quả làm việc cá nhân.

- HS khác theo dõi bạn trình bày, nhận xét, bổ sung, đánh giá.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét trình bày của HS, cung cấp thêm thông tin và chốt kiến thức.

|  |
| --- |
| **1. Phân bố dân cư**  ***a. Phân bố dân cư khác nhau giữa các khu vực*** |
| *\*Giữa đồng bằng và miền núi:*  - Các khu vực đồng bằng, ven biển có dân cư đông đúc, các khu vực miền núi có dân cư thưa thớt hơn.  - Đồng bằng sông Hồng: 1091 người/km2; Tây Nguyên: 111 người/km2 (năm 2021).  *\*Giữa thành thị và nông thôn:*  - Dân cư nước ta chủ yếu sinh sống ở nông thôn.  - Năm 2021, tỉ lệ dân nông thôn là 62,9%; cdân thành thị là 37,1% tổng số dân.  - TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội có mật độ dân số cao nhất cả nước. |

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về sự thay đổi trong phân bố dân cư nước ta**

***\* Mục tiêu***

- Nêu được sự thay đổi trong phân bố dân cư nước ta.

***\* Tổ chức thực hiện***

**Hoạt động thảo luận cá nhân/cặp, bàn**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

- Khai thác thông tin mục 1 SGK chứng minh sự phân bố dân cư nước ta có sự thay đổi.

- Dựa vào bảng sống liệu sau, nhận xét sự thay đổi qui mô và tỉ lệ dân số nông thôn, dân số thành thị ở nước ta.

TÌNH HÌNH DÂN SỐ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2023 *(Đơn vị: triệu người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2019** | **2023** |
| Dân số thành thị | 26,5 | 30,9 | 33,8 | 38,2 |
| Dân số nông thôn | 60,4 | 61,4 | 62,7 | 62,1 |
| Tổng số dân | 86,9 | 92,3 | 96,5 | 100,3 |

***- Giai đoạn 2010 - 2023:***

***+ Tỉ lệ dân số nông thôn giảm 7,6%; nhưng vẫn chiếm tỉ lệ cao hơn dân số thành thị.***

***+ Tỉ lệ dân số thành thị tăng tăng 7,6%.***

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS khai thác thông tin và dựa vào hiểu biết cá nhân trả lời câu hỏi;

- GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ làm việc, giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- HS trình bày trước lớp kết quả làm việc cá nhân.

- HS khác theo dõi bạn trình bày, nhận xét, bổ sung, đánh giá.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét trình bày của HS, cung cấp thêm thông tin và chốt kiến thức.

|  |
| --- |
| **1. Phân bố dân cư**  ***b. Phân bố dân cư nước ta có sự thay đổi*** |
| - Phân bố dân cư nước ta thay đổi theo hướng ngày càng hợp lí hơn.  - Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh.  - Một số đô thị có quy mô dân số đông như TP. HCM, Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng,...  - Các vùng có kinh tế phát triển năng động thu hút đông dân cư: Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng. |

**Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về sự khác biệt**

**giữa quần cư nông thôn và quần cư thành thị ở nước ta**

***\*Mục tiêu***

- Phân biệt được hai loại hình quần cư là quần cư thành thị và quần cư nông thôn

- Biết được sự thay đổi trong quần cư nông thôn và đô thị trong những năm gần đây

***\* Tổ chức thực hiện***

**Hoạt động thảo luận cá nhân/cặp, bàn**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

- GV định hướng ở Việt Nam cũng tồn tại hai loại hình quần cư và mang những đặc điểm như trên. Để làm rõ điều này các em quan sát hình ảnh dưới đây, thảo luận trong 5 phút và hoàn thành nội dung phiếu học tập.

***So sánh sự khác nhau giữa quần cư nông thông và quần cư thành thị theo bảng sau:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Quần cư nông thôn** | **Quần cư thành thị** |
| Mật độ dân số |  |  |
| Cấu trúc quần cư |  |  |
| Hoạt động kinh tế |  |  |
| Chức năng |  |  |

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS khai thác thông tin và dựa vào hiểu biết cá nhân trả lời câu hỏi;

- GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ làm việc, giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- HS trình bày trước lớp kết quả làm việc cá nhân.

- HS khác theo dõi bạn trình bày, nhận xét, bổ sung, đánh giá.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét trình bày của HS, cung cấp thêm thông tin và chốt kiến thức.

|  |
| --- |
| **2. Các loại hình quần cư** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Quần cư nông thôn** | **Quần cư thành thị** | | **Mật độ**  **dân số** | Thấp | Cao | | **Cấu trúc quần cư** | Làng, xã, xóm, bản, thôn,… | Tổ dân phố, phường,  thị trấn,… | | **Hoạt động kinh tế** | Nông, lâm, thủy sản; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển thủ công nghiệp, dịch vụ,… | Công nghiệp, dịch vụ | | **Chức năng** | Hành chính, văn hóa, xã hội; chức năng đang thay đổi theo hướng đa dạng hóa. | Đa chức năng: trung tâm kinh tế, văn hóa, hành chính, chính trị, đổi mới sáng tạo,… | |

**3. Hoạt động 3. Luyện tập**

***\*Mục tiêu***

- Củng cố, khắc sâu nội dung kiến thức bài học; hệ thống lại kiến thức vừa tìm hiểu về sự phân bố dân cư và các loại hình quần cư ở Việt Nam.

***\* Tổ chức thực hiện***

**Hoạt động cá nhân, cặp/bàn**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

*\* GV yêu cầu HS lên bảng tổng kết nội dung bài học.*

\* GV tổ chức trò chơi: **CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG**

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS khai thác thông tin và dựa vào hiểu biết cá nhân trả lời câu hỏi;

- GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ làm việc, giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- HS trình bày trước lớp kết quả làm việc cá nhân.

- HS khác nhận xét, bổ sung.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV thông qua trình bày của HS rút ra nhận xét, khen ngợi và rút kinh nghiệm những hoạt động rèn luyện kĩ năng của cả lớp.

**4. Hoạt động 4. Vận dụng**

***\* Mục tiêu***

- HS mở rộng kiến thức của nội dung bài học bằng cách sưu tầm các tư liệu, hình ảnh, video clip về phân bố dân cư và các loại hình quần cư ở Việt Nam.

***\* Tổ chức thực hiện***

**HS thực hiện ở nhà**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

***Về nhà quan sát thực tế hãy chỉ ra 1 đến 3 vấn đề ở địa phương em được cho là biểu hiện của lối sống thành thị.***

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS hỏi và đáp ngắn gọn những vấn đế cần tham khảo.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét về các phương án lí giải của HS đưa ra, hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu, giờ sau trả lời (báo cáo).

- HS về nhà tự tìm tòi, khám phá, mở rộng kiến thức, sự hiểu biết của bản thân qua một số trang website, đường link, sách tham khảo...liên quan đến nội dung, yêu cầu của GV.

**------------------------------------------------------**

